



[Liên hệ:](#)

**Văn Phòng Luật Sư Tô Đình Huy**

Địa chỉ: 441/15B Điện Biên Phủ, Phường  
25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838991104 - 0978845617

Tổng đài tư vấn: **1900 6279**

Email: [info@luatsuhcm.com](mailto:info@luatsuhcm.com)

Website: [www.luatsuhcm.com](http://www.luatsuhcm.com)

## **NỘI DUNG**

**Phần 1: Điều chuyển lao động sang nước ngoài làm việc của doanh nghiệp trúng thầu**

**Phần 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng**

1. Quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án của người khiếu nại
2. Hướng dẫn chi tiết chế độ nhuận bút, thù lao tác quyền
3. Cách tính số tiền bảo hiểm cháy nổ tối thiểu
4. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động cho tổ chức tài chính vi mô
5. Quy định mới về chi phí phát hành, mua lại trái phiếu Chính phủ

**Phần 3: Danh mục các văn bản có hiệu lực trong tháng**

*Ấn phẩm được đăng tại: Website: [www.luatsuhcm.com](http://www.luatsuhcm.com)*

## PHẦN 1: ĐIỀU CHUYỂN LAO ĐỘNG SANG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC CỦA DOANH NGHIỆP TRÚNG THẦU



**THs/Luật sư Tô Đình Huy**

**M:** (+84) 978845617

**E:** [info@luatsuhcm.com](mailto:info@luatsuhcm.com)



**Luật sư Nguyễn Thị Ngọc Dung**

**M:** (+84) 1688469097

**E:** [dungnguyen@luatsuhcm.com](mailto:dungnguyen@luatsuhcm.com)

Cùng với sự phát triển hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam, nhu cầu đưa người lao động (NLĐ) sang nước ngoài làm việc đặt ra những vấn đề pháp lý mà doanh nghiệp cần quan tâm. Hoạt động điều chuyển lao động sang nước ngoài làm việc mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: không phải thực hiện tuyển dụng; sử dụng nguồn chuyên gia và lao động lành nghề sẵn có, đã am hiểu văn hóa và cách thức làm việc của doanh nghiệp; là cơ hội để NLĐ tiếp cận công nghệ, nâng cao tay nghề... Tuy nhiên, hoạt động này phải đáp ứng những điều kiện, yêu cầu nhất định từ cơ quan quản lý tại Việt Nam và quốc gia tiếp nhận lao động. Như vậy, để đưa lao động sang nước ngoài làm việc, doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu cần quan tâm những vấn đề pháp lý nào?

### 1. Cơ sở pháp lý thực hiện

Như đã trình bày ở phần mở đầu, hoạt động đưa NLĐ sang làm việc ở nước ngoài có tính chất xuyên biên giới. Vì vậy, pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia tiếp nhận sẽ đặt ra những điều kiện, thủ tục cụ thể để cho phép NLĐ rời lãnh thổ Việt Nam và được tiếp nhận làm việc tại quốc gia có dự án. Tức là, đây là hoạt động phải tuân thủ đầy đủ các quy định của cả hai quốc gia.

Tại Việt Nam, hoạt động đưa NLĐ sang làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu hoặc nhận thầu

dự án là một hình thức làm việc chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật NLĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006 (gọi tắt là Luật LVNN 2006). Bên cạnh đó, quan hệ lao động còn chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Lao động 2012 (gọi tắt là BLLĐ 2012) về hợp đồng lao động (HĐLĐ), chế độ tiền lương, trách nhiệm vật chất v.v. Các vấn đề liên quan đến hoạt động đưa NLĐ sang làm việc ở nước ngoài như xuất nhập cảnh, nhân thân NLĐ, tài chính cũng phải được thực hiện, tuân thủ theo các quy định pháp luật chuyên ngành.

### 2. Điều kiện thực hiện

Điều kiện để thực hiện đưa NLĐ sang nước ngoài được đặt ra đối với doanh nghiệp sử dụng lao động và NLĐ.

Đối với doanh nghiệp sử dụng lao động, doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu cơ bản theo Điều 28 Luật LVNN 2006, bao gồm:

- NLD được doanh nghiệp đưa đi làm việc ở nước ngoài phải có HĐLĐ với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động;
- Chỉ được đưa NLD đi làm việc tại các công trình, dự án mà doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài;
- Có phương án sử dụng và quản lý NLD ở nước ngoài;
- Có phương án tài chính đưa NLD về nước trong trường hợp bất khả kháng;
- Bảo đảm quyền và nghĩa vụ của NLD làm việc ở nước ngoài cho doanh nghiệp phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước mà NLD đến làm việc.

Điều 28 Luật LVNN 2006 đưa ra các điều kiện có độ khái quát cao và chưa được hướng dẫn chi tiết thực hiện. Vì vậy, làm thế nào doanh nghiệp xác định được khả năng đáp ứng cũng như chuẩn bị được đầy đủ hồ sơ minh chứng là yêu cầu không dễ dàng. Các điều kiện nêu trên cần được doanh nghiệp minh chứng thông qua các hồ sơ giấy tờ về dự án và tuyển dụng lao động; đồng thời, doanh nghiệp lập báo cáo trình bày cụ thể các nội dung theo yêu cầu. Doanh nghiệp chứng minh khả năng đáp ứng các điều kiện trên và nộp hồ sơ xin chấp thuận của Bộ LĐTBXH.

Đối với người lao động, Luật LVNN 2006 không đặt ra các điều kiện cụ thể với NLD. Song, để có thể xuất cảnh làm việc ở nước ngoài, NLD phải đáp ứng điều kiện về xuất cảnh và sức khỏe làm việc. Nói cách khác, NLD sang nước ngoài làm việc phải có giấy khám sức khỏe đủ khả năng làm việc và được quốc gia tiếp nhận cấp Visa.

Nhìn chung, hoạt động đưa người NLD sang nước ngoài làm việc là hoạt động có điều kiện, phải được chấp thuận từ cơ quan quản lý lao động. Điều kiện được đặt ra đối với cả doanh nghiệp và NLD. Quy định đã có nhưng vấn đề xác định khả năng đáp ứng là điều không dễ thực hiện.

### **3. Phương thức đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên**

Mặc dù quan hệ lao động, HĐLĐ do pháp luật Việt Nam điều chỉnh nhưng quá trình thực hiện hợp đồng diễn ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Sự cách biệt về địa lý dẫn đến khó khăn trong kiểm soát quản lý và đảm bảo thực hiện quyền – nghĩa vụ của các bên. Vì vậy, tìm hiểu và ghi nhận rõ các quyền – nghĩa vụ vào HĐLĐ cũng như có cách thức hiện hiện, kiểm soát là yêu cầu cần thiết.

#### **a. Về nội dung HĐLĐ**

HĐLĐ cần ghi nhận chi tiết các nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên, đặc biệt trong quản lý lao động và phạm vi công việc thực hiện ở nước ngoài. Cụ thể, một số nội dung cần được xem xét chi tiết gồm:

- Điều kiện về tiền lương và các chế độ tài chính: tiền lương không được thấp hơn lương tối thiểu vùng nơi ký HĐLĐ và lương tối thiểu của quốc gia đến làm việc. Đây là nội dung quan trọng, doanh nghiệp có thể bị xử phạt hành chính đến 80 triệu đồng nếu không ghi nhận đầy đủ vào HĐLĐ.

- Điều kiện làm việc: địa điểm làm việc, thời gian làm việc và mô tả nội dung công việc cụ thể. Thông tin về công việc phải được mô tả cụ thể từ đó có cách thức quản lý lao động phù hợp.

- Xử lý rủi ro và giới hạn trách nhiệm của các bên trong trường hợp phát sinh các tình huống do lỗi của một bên vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nơi làm việc. Mặc dù quy định không bắt buộc ghi nhận vào HĐLĐ nhưng đây là một thỏa thuận quan trọng có ý nghĩa ràng buộc các bên trong quan hệ lao động, đặc biệt liên quan đến hoạt động quản lý và pháp luật quốc gia lao nơi thực hiện HĐLĐ.

Có thể thấy, khi lập hoặc sửa đổi HĐLĐ trước khi đưa NLĐ làm việc ở nước ngoài, các bên cần cân nhắc đến nhiều nội dung thỏa thuận theo quy định pháp luật và tình hình thực tế công việc, nơi làm việc.

#### ***b. Về thực hiện đảm bảo quyền và nghĩa vụ các bên***

Doanh nghiệp có thể thỏa thuận với NLĐ về bảo lãnh thực hiện HĐLĐ. Mặc dù Luật VLNN 2006 không đề cập đến bảo lãnh trong trường hợp này. Song đây là biện pháp không bị cấm, không bị xử phạt theo pháp luật làm việc nước ngoài. Bên cạnh đó, BLLĐ 2012 cũng không cấm doanh nghiệp và NLĐ thỏa thuận về bảo lãnh như một biện pháp bảo đảm thực hiện HĐLĐ.

Bên bảo lãnh sẽ chấp nhận thay mặt NLĐ thực hiện các nghĩa vụ mà NLĐ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ. Ngược lại, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với bên bảo lãnh khi không thực hiện được nghĩa vụ với NLĐ. Có thể thấy, hoạt động bảo lãnh trong trường hợp này

vừa mang tính bảo đảm thực hiện hợp đồng, vừa là trung gian (hoặc đại diện) để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ - giải quyết vấn đề cách biệt về địa lý.

Một lưu ý quan trọng về nội dung HĐLĐ, doanh nghiệp không được yêu cầu NLĐ phải nộp một khoản tiền ký quỹ hay thu bất kỳ khoản phí nào của NLĐ để bảo đảm thực hiện HĐLĐ. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa làm việc ở nước ngoài theo dự án thầu và làm việc thông qua dịch vụ (xuất khẩu lao động). Đồng thời, doanh nghiệp cũng không được yêu cầu NLĐ thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tiền hay tài sản. Đây là hành vi bị cấm theo Điều 20 BLLĐ 2012. Tóm lại, các yêu cầu NLĐ phải bỏ ra một khoản tiền, tài sản để làm việc trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án thầu ở nước ngoài đều bị nghiêm cấm và có các chế tài tương ứng.

#### **Kết luận:**

Hoạt động đưa NLĐ làm việc ở nước ngoài theo dự án thầu làm cho quan hệ lao động có những đặc điểm riêng từ đó đặt ra yêu cầu chặt chẽ về điều kiện thực hiện cũng như quyền – nghĩa vụ của các chủ thể. Trước khi tiến hành thủ tục xin phép và thực hiện công việc trên thực tế, tìm hiểu các vấn đề pháp lý liên quan là yêu cầu cần thiết. Bên cạnh các yêu cầu theo quy định, các bên cũng cần lưu ý cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ sao cho hiệu quả nhất. Các rủi ro sẽ được hạn chế tối đa nếu các bên có phương án thực hiện phù hợp, tuân thủ các quy định pháp luật lao động liên quan.

## PHẦN 2: ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

### 1. Hướng dẫn mới về xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP

Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, có hiệu lực từ 05/10/2017 sửa đổi một số nội dung hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP:

(i) Cụ thể hóa điều kiện xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đồng thời, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

(ii) Cán bộ, công chức thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ tùy từng trường hợp sẽ áp dụng biện pháp xử lý cụ thể:

a) Nếu hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có

thẩm quyền ban hành, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

b) Nếu hành vi vi phạm đó không thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao thì vẫn bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

(iii) Bổ sung thẩm quyền của Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành trong việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

(iv) Bổ sung thêm đối tượng phải lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cụ thể:

- Người đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng;

- Người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Như vậy, người đang tham gia các chương trình cai nghiện ma túy tại cộng đồng không còn nằm ngoài phạm vi đối tượng bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(v) 55 biểu mẫu được sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính thay thế các mẫu trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2013/NĐ-CP.

### 2. Đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định mới

Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định về “đăng ký biện pháp bảo đảm” thay thế quy định “đăng ký giao dịch bảo đảm” theo Nghị định số 83/2010/NĐ-CP. Nghị định số 102/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/10/2017. Một số nội dung nổi bật của Nghị định này được liệt kê sau đây:

(i) Về đối tượng đăng ký:

a) Giới hạn các đối tượng bắt buộc đăng ký: thế chấp quyền sử dụng đất; thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp tài sản đó đã được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; thế chấp tàu biển.

b) Giới hạn các đối tượng có thể được đăng ký khi có yêu cầu: thế chấp tài sản là động sản khác; thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, mua bán tàu bay, tàu biển, mua bán tài sản là động sản khác có bảo lưu quyền sở hữu.

(ii) Quy định cụ thể thời điểm có hiệu lực của việc đăng ký:

Trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tàu bay, tàu biển, thì thời điểm có hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm là thời điểm cơ quan đăng ký ghi nội dung đăng ký vào sổ đăng ký.

Trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tài sản là động sản khác, thì thời điểm có hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm là thời điểm nội dung đăng ký được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm.

Trường hợp đăng ký thay đổi do bổ sung tài sản bảo đảm mà các bên không ký kết hợp đồng bảo đảm mới hoặc do bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm và tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm các bên không có thỏa thuận về việc bảo đảm cho các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, thì thời điểm có hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản bổ sung hoặc nghĩa vụ bổ sung là thời điểm cơ quan đăng ký ghi nội dung đăng ký thay đổi vào sổ đăng ký hoặc cập nhật vào cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm.

### **3. Thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài qua mạng điện tử**

Thông tư số 23/2017/TT-BLĐTNXH được ban hành ngày 15/8/2017, có hiệu lực kể từ ngày 02/10/2017 hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử. Nội dung hướng dẫn chủ yếu bao gồm việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; cấp, cấp lại giấy phép lao động; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử. Cụ thể:

(i) Người sử dụng lao động khai thông tin vào tờ khai và nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép

lao động qua cổng thông tin điện tử trước ít nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc.

(ii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động trả lời kết quả qua thư điện tử cho người sử dụng lao động, nếu hồ sơ chưa phù hợp thì giải thích rõ và đề nghị bổ sung.

(iii) Sau khi nhận được trả lời hồ sơ phù hợp, người sử dụng lao động nộp bản gốc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động để kiểm tra, đối chiếu và lưu theo quy định.

(iv) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động phải trả kết quả cho người sử dụng lao động trong thời hạn không quá 08 giờ làm việc kể từ khi nhận được bản gốc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động.

#### **4. Quy định mới về việc không kiểm tra, miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN được ban hành ngày 16/6/2017, có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2017 nhằm sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN quy định về việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thông tư này có một số điểm nổi bật sau đây:

(i) Mở rộng, chi tiết hóa đối tượng không áp dụng quy định tại Thông tư này và Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN để tránh nhiều thủ tục rườm rà cho người sở hữu, quản lý hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, hàng hóa nhập khẩu mang tính chất cá nhân, cá biệt, tạm nhập, nhập khẩu theo yêu cầu

của chủ thể có thẩm quyền hoặc nhập khẩu không vì mục đích thương mại sẽ không phải thực hiện thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

(ii) Sửa đổi, bổ sung quy định về chứng chỉ chất lượng lô hàng. Chứng chỉ chất lượng lô hàng bao gồm một trong những tài liệu sau:

a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của người nhập khẩu;

b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định.

Tùy từng trường hợp cụ thể sẽ áp dụng các tiêu chí thông quan đặc thù để đối chiếu, kiểm tra, đánh giá chất lượng và quyết định việc cho phép/không cho phép nhập khẩu.

(iii) Quy định mới về điều kiện áp dụng biện pháp miễn kiểm tra hàng hóa nhập khẩu.

a) Đối với một số loại hàng hóa nhập khẩu nhất định, nếu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp trong 06 tháng, có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 01 năm với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.

Đề được miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, người nhập khẩu phải có văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính; kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp trong 06 tháng.

b) Trong thời gian được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

- Định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu phải báo cáo một lần tình hình nhập khẩu kèm theo kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm.

- Cơ quan kiểm tra có quyền kiểm tra đột xuất lô hàng nhập khẩu (nếu cần).

c) Trong thời gian được miễn kiểm tra, nếu hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường phát hiện không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc khi có khiếu nại, tố cáo về kết quả đánh giá sự phù hợp và được xác minh đúng sự thật hoặc qua kiểm tra đột xuất lô hàng nhập khẩu có kết quả đánh giá sự phù hợp không đạt yêu cầu, cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra.

## **5. Nguyên tắc, biểu mẫu mới cho chế độ báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công**

Thông tư số 82/2017/TT-BTC được ban hành ngày 15/8/2017, có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2017 thay thế Thông tư số 99/2013/TT-BTC quy định về chế độ báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu

tư công. Trong đó, nguyên tắc thực hiện chế độ báo cáo được xác định là nội dung cơ bản, các Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước các cấp, cơ quan kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công khác theo quy định của pháp luật hiện hành bắt buộc phải tuân thủ. Cụ thể:

(i) Số liệu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán các nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm phải kịp thời, chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung thông tin của dự án theo từng nguồn vốn và đúng thời gian quy định. Đồng thời phải có thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện giao kế hoạch, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công theo kế hoạch; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến công tác quản lý, thanh toán vốn đầu tư công.

(ii) Danh mục dự án, số vốn bố trí cho từng dự án, từng chương trình của từng Bộ, ngành, địa phương đảm bảo đúng các quyết định giao kế hoạch vốn của cấp có thẩm quyền (bao gồm kế hoạch năm, kế hoạch bổ sung, kế hoạch kéo dài, kế hoạch điều chỉnh). Đối với nguồn vốn đầu tư công thuộc địa phương quản lý, trường hợp Hội đồng nhân dân các cấp giao kế hoạch vốn (nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý) cao hơn hoặc bổ sung ngoài kế hoạch vốn đầu tư công do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao thì địa phương phải có giải trình rõ các nguồn vốn giao tăng, nguồn vốn giao bổ sung trong kế hoạch và tổng hợp đầy đủ vào cột giao kế hoạch vốn của địa phương quy định tại Thông tư này.

(iii) Hằng tháng các cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo tổng số vốn đã thanh toán theo từng nguồn vốn, từng chương trình, từng cấp ngân sách của từng địa phương và của từng Bộ, ngành. Hằng quý, hằng năm, giữa kỳ, cả giai đoạn trung hạn tổng hợp báo cáo tình hình thanh toán vốn chi tiết tới từng dự án theo đúng quy định tại các biểu mẫu báo cáo tại Thông tư này. Tỷ lệ giải ngân vốn hằng tháng, hằng quý, hằng năm, giữa kỳ và

cả giai đoạn trung hạn phải được tính trên tổng số kế hoạch vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và trung hạn theo quy định.

(iv) Việc báo cáo phải được thực hiện dựa trên các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

### PHẦN 3: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Nghị định 16/2018/NĐ-CP về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam do Chính phủ ban hành ngày 02/02/2018, có hiệu lực từ ngày 01/04/2018
2. Nghị định 22/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan ban hành ngày 23/02/2018, có hiệu lực từ ngày 10/04/2018
3. Nghị định 21/2018/NĐ-CP quy định về công tác bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt của Nhà nước do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang bảo vệ ban hành ngày 23/02/2018, có hiệu lực từ ngày 10/04/2018
4. Nghị định 27/2018/NĐ-CP về sửa đổi Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng ban hành ngày 01/03/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018
5. Nghị định 24/2018/NĐ-CP quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động ban hành ngày 27/02/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018
6. Nghị định 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc ban hành ngày 23/02/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018.  
Thông tư 15/2018/TT-BTC quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 07/02/2018, có hiệu lực từ ngày 01/04/2018
2. Thông tư 07/2018/TT-BGTVT quy định về kiểm tra tàu biển do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 07/02/2018, có hiệu lực từ ngày 01/04/2018
3. Thông tư 06/2018/TT-BGTVT về định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành, khai thác và bảo dưỡng hệ thống báo động an ninh tàu biển do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 07/02/2018, có hiệu lực từ ngày 01/04/2018
4. Thông tư 02/2018/TT-BXD về quy định bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành Xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành ngày 06/02/2018, có hiệu lực từ ngày 01/04/2018
5. Thông tư 22/2017/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 29/12/2017, có hiệu lực từ ngày 01/04/2018
6. Thông tư 13/2018/TT-BTC về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 06/02/2018, có hiệu lực từ ngày 02/04/2018
7. Thông tư 21/2017/TT-NHNN về quy định phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối

với khách hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 29/12/2017, có hiệu lực từ ngày 02/04/2018

8. Thông tư 01/2018/TT-BLĐTBXH về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 27/02/2018, có hiệu lực từ ngày 12/04/2018

9. Thông tư 03/2018/TT-NHNN quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức Tài chính vi mô do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 23/02/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018

10. Thông tư 08/2018/TT-BGTVT về quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực hàng hải

do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 22/02/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018

11. Thông tư 05/2018/TT-BGTVT hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 30/01/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018

12. Thông tư 04/2018/TT-BGTVT về quy định việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 23/01/2018, có hiệu lực từ ngày 15/04/2018

13. Thông tư 23/2018/TT-BTC về hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 12/03/2018, có hiệu lực từ ngày 27/04/2018

*Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.*

*Hì vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ [info@luatsuhcm.com](mailto:info@luatsuhcm.com).*

*Trong trường hợp Quý khách hàng muốn tìm hiểu các bản tin khác của chúng tôi, xin vui lòng truy cập mục Bản tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của chúng tôi: [www.luatsuhcm.com](http://www.luatsuhcm.com).*